

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 07-8-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984;

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Tấn L, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số A, đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26-7-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ T trình bày:*

Bà và ông Đỗ Tấn L tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 02-10-2007. Thời gian sống chung với nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường ăn nhậu, say xỉn, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông L không thay đổi. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Bà và ông L có 02 con chung là cháu Đỗ Quỳnh G1, sinh ngày 04-12-2008 và cháu Đỗ Quỳnh G2, sinh ngày 18-01-2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Đỗ Tấn L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông L; giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; bà T, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Đỗ Tấn L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị Lệ T và ông Đỗ Tấn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 02-10-2007 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, ông L có ý kiến tại các biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án rằng ông còn thương yêu vợ con, không muốn ly dị, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nuôi con, không muốn con khổ, tuy nhiên ông L lại không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, chứng tỏ ông L không tha thiết đoàn tụ như đã trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Bà T và ông L có 02 con chung là cháu Đỗ Quỳnh G1, sinh ngày 04-12-2008 và cháu Đỗ Quỳnh G2, sinh ngày 18-01-2013. Bà T có yêu cầu được nuôi con chung và có đủ điều kiện nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, cháu G1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Giang còn nhỏ, ông L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu G1 và G2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.490.000 đồng từ tháng 11-2019 đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu tối thiểu của 02 cháu G1 và G2.

[2.3] Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Bà Phạm Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, ông L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 91, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Bà Phạm Thị Lệ T được ly hôn ông Đỗ Tấn L.

2. Giao cháu Đỗ Quỳnh G1, sinh ngày 04-12-2008 và cháu Đỗ Quỳnh G2, sinh ngày 18-01-2013 cho bà Phạm Thị Lệ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Đỗ Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.490.000 đồng (một triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) từ tháng 11-2019 đến khi các cháu Đỗ Quỳnh G1 và Đỗ Quỳnh G2 đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Tấn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Bà Phạm Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001474 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Đỗ Tấn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh